

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG CHĂN NUÔI

Điểm tin thị trường Chăn nuôi ngày 7/7/2021 13:09 07/07

A. THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- Giá heo Trung Quốc tiếp tục ít điều chỉnh vào hôm nay khi hoạt động thu mua heo vào kho trữ được tiến hành trong đợt đầu với lượng đạt 20.000 tấn. Tại miền Nam Trung Quốc, giá heo giữ giao dịch quanh 17 tệ/kg, tương đương 59-60.000 đồng/kg.
- Tại sàn Đại Liên, giá heo hơi các kỳ hạn chốt phiên ngày 06/07 đều nhích tăng nhẹ, tuy nhiên biên độ tăng không lớn giữ giá đạt quanh 18-19 tệ/kg với kỳ hạn từ tháng 9/2021-1/2022, tương đương 65-68.000 đồng/kg.
- Muyuan – doanh nghiệp có đàn nái lớn nhất thế giới trong năm 2020 cho biết sản lượng heo xuất bán của đơn vị này trong tháng 6/2021 đạt gần 3,48 triệu con, tăng 12% so với tháng trước, đưa tổng lượng heo lũy kế bán trong nửa đầu năm 2021 đạt gần 87 triệu con, tăng 41% so với cùng kỳ 2020.

B. THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Giá heo hơi

- Tại miền Bắc Việt Nam, giá heo tuy vẫn tiếp đà giảm vào hôm nay nhưng mức độ giảm chậm lại do nguồn cung heo dân bán ra vẫn hơn. Theo đó, hôm nay mặt bằng giá heo miền Bắc giữ giao dịch quanh 58-60.000 đồng/kg, cá biệt có giá 57.000 đồng/kg cho heo mỡ.
- Do giá heo miền Trung không giảm thêm, giữ quanh 57-58.000 đồng/kg với heo công ty nên thương lái chuyển sang đóng heo mỡ loại ra từ heo đi thành phố của miền Nam với giá lên xe giảm còn 52-53.000 đồng/kg.
- Do heo mỡ khó bán nên mặt bằng giá heo miền Nam đang giao dịch ở khoảng giá khá rộng, phổ biến từ 55-59.000 đồng/kg với heo công ty và 53-58.000 đồng/kg với heo dân. Tồn kho heo biểu to của một số công ty lớn có xu hướng tăng, tiếp tục tạo áp lực lên mặt bằng giá heo miền Nam trong bối cảnh dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp.

Giao dịch tại chợ đầu mối, lò mổ

- Tại chợ Ngọc Lũ, hôm nay lượng heo nhập chợ đạt tương đương hôm qua với gần 2.000 con. Chợ bán có phần trôi hơn, với giá heo đầu 66-66.500 đồng/kg, phổ biến 62-63.000 đồng/kg.
- Theo tin từ thương nhân, việc các chợ đầu mối thực phẩm lớn của TPHCM bị đóng cửa khiến cho việc tiêu thụ heo mỡ rất khó nhưng với heo đẹp lượng bán vẫn khá tốt khi các siêu thị/cửa hàng bán lẻ tăng gấp đôi, gấp ba lượng bán. Do chợ Tân Xuân và Bình Điền cũng đóng cửa nên các thương lái chủ yếu đưa heo về lò mổ rồi bán trực tiếp tại lò mổ hoặc chở đi bán cho một số mối có khối lượng lớn. Tuy nhiên, nếu so với trước khi bùng dịch thì nhiều thương lái đã giảm từ 60-70% lượng heo đưa vào giết mổ khi các chợ bán lẻ bị đóng cửa ngày một nhiều hơn.

- Tại chợ Tân Xuân, thương lái cho biết dự kiến chợ sẽ đi vào hoạt động trở lại kể từ ngày 15/07 nhưng với phương án hoạt động luân phiên 50/50. Mặc dù vậy, do lo ngại dịch và chi phí tăng cao nếu chỉ hoạt động 50/50 nên nhiều chủ dậu không đồng ý với phương án này.

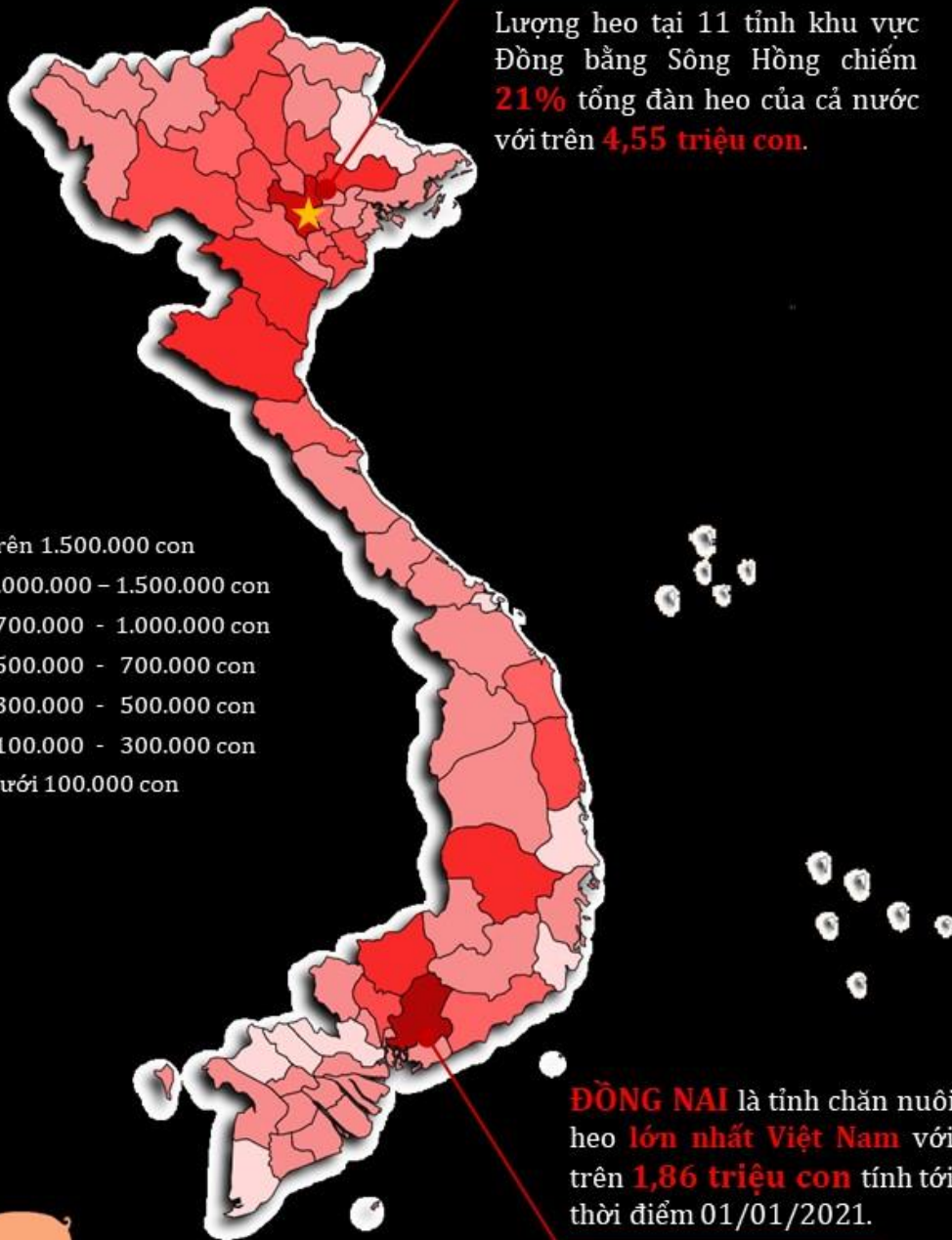
Lược đồ mật độ phân bố đàn heo Việt Nam tính tới thời điểm 01/01/2021 16:26 24/06

LƯỢC ĐỒ MẬT ĐỘ PHÂN BỐ ĐÀN HEO VIỆT NAM NĂM 2020

ĐB SÔNG HỒNG

Lượng heo tại 11 tỉnh khu vực Đồng bằng Sông Hồng chiếm **21%** tổng đàn heo của cả nước với trên **4,55 triệu con**.

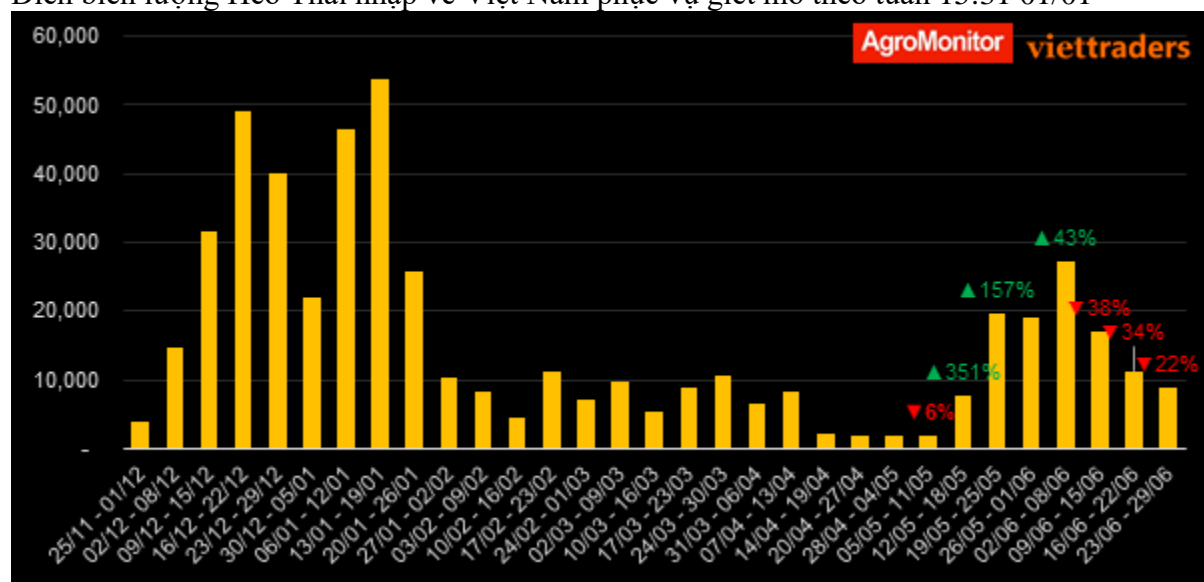
- Trên 1.500.000 con
- 1.000.000 - 1.500.000 con
- 700.000 - 1.000.000 con
- 500.000 - 700.000 con
- 300.000 - 500.000 con
- 100.000 - 300.000 con
- Dưới 100.000 con



ĐỒNG NAI là tỉnh chăn nuôi heo **lớn nhất Việt Nam** với trên **1,86 triệu con** tính tới thời điểm 01/01/2021.



Diễn biến lượng Heo Thái nhập về Việt Nam phục vụ giết mổ theo tuần 15:31 01/01



Nguồn: Agromonitor tổng hợp

CÁC DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG CHĂN NUÔI NGÀY 07/07/2021

<p>Thị trường Heo</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tại miền Bắc Việt Nam, giá heo tuy vẫn tiếp đà giảm vào hôm nay nhưng mức độ giảm chậm lại do nguồn cung heo dân bán ra vẫn hơn. Theo đó, hôm nay mặt bằng giá heo miền Bắc giao dịch quanh 58-60.000 đồng/kg, cá biệt có giá 57.000 đồng/kg cho heo mỡ. - Tại chợ Ngọc Lũ, lượng heo nhập chợ hôm nay đạt tương đương hôm qua với gần 2.000 con. Chợ bán có phần trôi hơn, với giá heo đầu 66-66.500 đồng/kg. - Tại miền Nam, do heo mỡ khó bán nên mặt bằng giá heo miền Nam đang giao dịch ở khoảng giá khá rộng, phổ biến từ 55-59.000 đồng/kg với heo công ty và 53-58.000 đồng/kg với heo dân. - Lưu chuyển heo Bắc-Trung-Nam: Do giá heo miền Trung không giảm thêm, giữ quanh 57-58.000 đồng/kg với heo công ty nên thương lái chuyển sang đóng heo mỡ loại ra từ heo đi thành phố của miền Nam với giá lên xe giảm còn 52-53.000 đồng/kg. - Tại TPHCM, thương nhân cho biết, việc các chợ đầu mối thực phẩm lớn bị đóng cửa khiến tiêu thụ heo mỡ khó khăn hơn nhưng heo đẹp vẫn bán khá tốt khi các siêu thị/cửa hàng bán lẻ tăng gấp đôi, gấp ba lượng bán. Tuy nhiên, so với trước khi bùng dịch, nhiều thương lái đã giảm từ 60-70% lượng heo đưa vào giết mổ. - Tại chợ Tân Xuân, thương lái cho biết dự kiến chợ sẽ đi vào hoạt động trở lại kể từ ngày 15/07 nhưng với phương án hoạt động luân phiên 50/50. Mặc dù vậy, do lo ngại dịch và chi phí tăng cao nếu chỉ hoạt động 50/50 nên nhiều chủ dậu không đồng ý với phương án này.
------------------------------	---

Thị trường Gia cầm	<p>- Tại miền Bắc, nguồn cung gà tại trại dân đang thiếu hụt đẩy giá gà trắng ở cả các công ty lớn lẫn thị trường tự do tăng tiếp lên 32.500-33.500 đồng/kg. Trong khi đó, mặt bằng giá gà tại miền Nam vẫn dao động từ 26-28.000 đồng/kg. Dự kiến, giá gà trắng tại miền Nam có khả năng sẽ giảm thêm trong thời gian tới do tiêu thụ gà rất yếu trong bối cảnh dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp.</p> <p>- Giá gà ta lai 2 miền tiếp tục giữ ổn định quanh mức 43-44.000 đồng/kg tại miền Bắc và 39-42.000 đồng/kg tại miền Nam. Giới thương nhân nhận định, giá gà màu tại miền Bắc có khả năng tăng nhẹ trong ngắn hạn tới do nguồn cung gà tại trại dân lẫn công ty đều giảm nhẹ.</p> <p>- Có diễn biến tương tự, giá vịt thịt tại cả 2 miền cũng tạm thời đi ngang quanh mức 44-46.000 đồng/kg tại miền Bắc và 38-40.000 đồng/kg tại miền Nam.</p>
---------------------------	--

A. THỊ TRƯỜNG HEO

Giá cả và giao dịch heo hơi nội địa

- Tại miền Bắc Việt Nam, giá heo tuy vẫn tiếp đà giảm vào hôm nay nhưng mức độ giảm chậm lại do nguồn cung heo dân bán ra vẫn hơn. Theo đó, hôm nay mặt bằng giá heo miền Bắc giữ giao dịch quanh 58-60.000 đồng/kg, cá biệt có giá 57.000 đồng/kg cho heo mỡ.

- Do giá heo miền Trung không giảm thêm, giữ quanh 57-58.000 đồng/kg với heo công ty nên thương lái chuyển sang đóng heo mỡ loại ra từ heo đi thành phố của miền Nam với giá lên xe giảm còn 52-53.000 đồng/kg.

- Do heo mỡ khó bán nên mặt bằng giá heo miền Nam đang giao dịch ở khoảng giá khá rộng, phổ biến từ 55-59.000 đồng/kg với heo công ty và 53-58.000 đồng/kg với heo dân. Tồn kho heo biểu to của một số công ty lớn có xu hướng tăng, tiếp tục tạo áp lực lên mặt bằng giá heo miền Nam trong bối cảnh dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp.

Bảng 1. Bảng giá heo hơi tại thị trường nội địa (VND/kg)

	Khu vực	07/07/2021	06/07/2021	Tuần trước
Heo công ty	Đồng Nai	59,500	59,500	61,500-62,500
	Miền Trung	57,500-61,500	57,500-61,500	58,500-63,500
	Miền Bắc	60,000-62,000	60,000-62,000	62,000-65,000
	Miền Tây	60,000	60,000	62,000-63,000
Heo dân	Miền Bắc			
	Thái Bình	57,000-60,000	57,000-60,000	59,000-65,000
	Bắc Giang	57,000-59,000	57,000-59,000	60,000-64,000
	Hà Nội	58,000-61,000	58,000-61,000	60,000-65,000
	Miền Trung			
	Nghệ An	57,000-60,000	57,000-60,000	59,000-63,000

	Bình Định	54,000-56,000	54,000-56,000	56,000-59,000
	Đắk Lắk	54,000-56,000	54,000-56,000	56,000-59,000
	Miền Nam			
	Đồng Nai	53,000-57,000	54,000-57,000	57,000-61,000
	Tiền Giang	51,000-53,000	51,000-53,000	54,000-59,000
	Bến Tre	50,000-53,000	50,000-53,000	52,000-58,000

Bảng 2. Bảng giá heo giống tại thị trường nội địa (VND/kg)

Khu vực	Loại heo	07/07/2021	06/07/2021
Miền Nam	Heo CP – loại 20kg (VND/kg)	140.000-145.000	140.000-145.000
	Heo CP – loại xách tai 6-7 kg	2.100.000-2.300.000	2.100.000-2.300.000
	Heo dân – loại xách tai 7-9 kg	2.100.000-2.300.000	2.100.000-2.300.000
Miền Bắc	Heo dân – loại xách tai 6-7 kg	1.800.000-2.000.000	1.800.000-2.000.000
	Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg	2.100.000-2.300.000	2.100.000-2.300.000

Bảng 3. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo tại các vùng

Khu vực	Xu hướng dịch bệnh
Miền Bắc	- Một số trại quanh khu vực Hà Nam có đàn heo bị Hô hấp phức hợp - Một số vùng vẫn lác đác có các bệnh như Tai xanh và Circo, trong đó, bệnh Tai xanh (chủng Bắc Mỹ) có chiều hướng nở nhiều hơn trong khi vacxin Tai xanh đang sử dụng không phổ biến cho chủng này. Dịch tả châu Phi tại miền Bắc giai đoạn này có chiều hướng êm hơn
Miền Trung	- Khu vực Bắc miền Trung: dịch bệnh có chiều hướng êm hơn - Khu vực Nam miền Trung: Dịch vẫn lác đác ở một số vùng, thời gian này heo bị ghép các bệnh như Circo, tả châu Phi và Tai xanh. Riêng tại Bình Định, dịch tả châu Phi có xu hướng nở mạnh hơn, chủ yếu nở ở các trại nuôi hỡ/bán hỡ.
Miền Nam	- Dịch bệnh êm hơn. Cá biệt, một số trại thuộc khu vực Bình Phước đang lác đác nở lại dịch tả châu Phi.

Giao dịch tại các chợ đầu mối/lò mổ

- Tại chợ Ngọc Lũ, hôm nay lượng heo nhập chợ đạt tương đương hôm qua với gần 2.000 con. Chợ bán có phần trôi hơn, với giá heo đầu 66-66.500 đồng/kg, phổ biến 62-63.000 đồng/kg.

- Theo tin từ thương nhân, việc các chợ đầu mối thực phẩm lớn của TPHCM bị đóng cửa khiến cho việc tiêu thụ heo mỡ rất khó nhưng với heo đẹp lượng bán vẫn khá tốt khi các siêu thị/cửa hàng bán lẻ tăng gấp đôi, gấp ba lượng bán. Do chợ Tân Xuân và Bình Điền cùng đóng cửa nên các thương lái chủ yếu đưa heo về lò mổ rồi bán trực tiếp tại lò mổ hoặc chở đi bán cho một số mối có khối lượng lớn. Tuy nhiên, nếu so với trước khi bùng dịch thì nhiều thương lái đã giảm từ 60-70% lượng heo đưa vào giết mổ khi các chợ bán lẻ bị đóng cửa ngày một nhiều hơn.

- Tại chợ Tân Xuân, thương lái cho biết dự kiến chợ sẽ đi vào hoạt động trở lại kể từ ngày 15/07 nhưng với phương án hoạt động luân phiên 50/50. Mặc dù vậy, do lo ngại dịch và chi phí tăng cao nếu chỉ hoạt động 50/50 nên nhiều chủ dậu không đồng ý với phương án này.

Bảng 4. Lượng heo về các chợ đầu mối TPHCM và Hà Nội theo ngày (con)

Ngày	TP. Hồ Chí Minh		Hà Nam
	Hóc Môn	Bình Điền	Ngọc Lũ
04/07	2310	1820	1900-2000
05/07	2130	1700	1900-2000
06/07	2030	1750	1900-2000
07/07	3000	1100	1900-2000

Ghi chú: Lượng heo về chợ đầu mối TPHCM kể từ ngày 28/06 không còn chính xác do chợ Hóc Môn tạm đóng cửa trong vòng 1 tuần. Lượng heo về Hóc Môn chính là lượng heo đưa về giết mổ tại lò Xuân Thới Thượng và Xuyên Á.

Bảng 5. Giá heo mảnh tại các chợ đầu mối/lò mổ (đồng/kg)

Ngày	Lò mổ Vạn Phúc – Hà Nội	Chợ Bình Điền-TPHCM
04/07	79,000-81,000	40,000-75,000
05/07	77,000-79,000	45,000-75,000
06/07	76,000-78,000	60,000-75,000
07/07	76,000-78,000	75,000-90,000

Bảng 6. Giá heo mảnh của các công ty (đồng/kg)

Ngày	07/07/2021	06/07/2021
CP - miền Bắc	77,000	77,000
CP - miền Nam	75,000	75,000
CJ – miền Nam	74,000	74,000
Emivest – miền Nam	74,000	74,000

Bảng 7. Giá phụ phẩm (đầu lòng) heo tại lò mổ (VND/kg)

Ngày	07/07/2021	06/07/2021
Lò mổ Vạn Phúc – Hà Nội	55.000-60.000	55.000-60.000
Lò mổ Lộc An - TPHCM	28.000	29.500

B. THỊ TRƯỜNG GIA CẦM

Gà trắng

- Tại miền Bắc, giá gà trắng các công ty lớn tiếp tục tăng 1.000 đồng/kg vào giao dịch sáng nay, nâng mặt bằng giá lên 32.5-33.500 đồng/kg với biểu 3.2-3.4 kg/con. Do nguồn cung gà tại trại dân đang thiếu hụt, biểu gà to trên 3.5 kg/con khan hơn đẩy giá gà bán ra thị trường tự do lên mức 32.5-33.500 đồng/kg, tùy biểu.

- Tại khu vực Bình Dương, Bình Phước, giá bán ra phổ biến quanh mức 26-28.000 đồng/kg, trong khi đó, giá gà trắng CP giảm về mức 26.000 đồng/kg, một số công ty khác giảm còn 25-25.500 đồng/kg nhằm kích cầu tiêu

thụ. Dự kiến, giá gà trắng tại miền Nam có khả năng sẽ giảm thêm trong thời gian tới do tiêu thụ gà rất yếu trong bối cảnh dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp hơn.

- Tại lò mổ An Nhơn (quận 7 TPHCM), lượng gà đưa vào giết mổ kể từ đầu tuần này giảm 40% so với trước đó do các chợ đầu mối tiêu thụ gà lớn là Củ Cải, Thủ Đức, Bình Điền đóng cửa.

- Trước đó, các trại giống ấp nở tại miền Nam ít hơn khiến nguồn cung con giống hiện đang khan, kéo giá giống tăng nhẹ, trong khi giá cám ở mức cao, dịch bệnh tiếp tục lây lan rộng hơn khiến các hộ chăn nuôi gà trắng vào đàn chậm hơn. Tuy nhiên, tại các công ty lớn, việc vào đàn vẫn theo đúng lịch trình, không bị tác động nhiều từ dịch bệnh Covid-19.

Bảng 8. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

Loại gia cầm/Khu vực	07/07/2021	06/07/2021	Tuần trước
Gà trắng hơi – miền Bắc (Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên)	32.500-33.500	31.500-33.000	29.500-31.000
Gà trắng hơi – miền Nam (Đồng Nai, Bình Phước)	26.000-28.000	26.000-28.000	26.000-29.000

Bảng 9. Bảng giá gà trắng giống DOC (đồng/con)

Vùng/miền	Loại con giống	07/07/2021	06/07/2021
DOC- miền Bắc	Bán ngoài	6.000-6.500	6.000-6.500
	Ăn cám công ty	5.000	5.000
DOC- miền Nam	Bán ngoài	11.000-12.000	11.000-12.000
	Ăn cám công ty	9.500	9.500

Bảng 10. Bảng giá trứng gà tại thị trường nội địa (đồng/quả)

Khu vực	Loại trứng	07/07/2021	06/07/2021
Miền Bắc (trứng gà CP)	Mix03(>=21.3kg)	2550	2250
	Mix04(>=20.3kg)	2450	2150
	Mix05(>=19.3kg)	2250	1950
Miền Nam (trứng gà Vĩnh Thành Đạt)	Loại 23.5kg	2000	2000
	Loại 22.5kg	1900	1900
	Loại 21.5kg	1800	1800
	Loại 20.5kg	1750	1750
	Loại 19.5kg	1700	1700

Gà màu

- Tại miền Bắc, giá gà ta lai CP không có điều chỉnh mới vào giao dịch sáng nay, mặt bằng giá dao động từ 43-44.000 đồng/kg. Tuy nhiên, theo nhận định của thương nhân, giá gà màu tại miền Bắc có khả năng tăng nhẹ trong ngắn hạn tới do nguồn cung gà tại trại dân lẫn công ty đồng loạt hụt nhẹ.

- Tương tự, giá gà ta lai CP duy trì ổn định quanh mức phổ biến 39-42.000 đồng/kg.

Bảng 11. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Khu vực	07/07/2021	06/07/2021	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	43.000-44.000	43.000-44.000	41.000-43.000
Gà ta lai CP – miền Nam	39.000-42.000	39.000-42.000	39.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc – gà nuôi trên 4 tháng	53.000-55.000	53.000-55.000	53.000-55.000
Gà màu Dabaco – miền Nam- gà nuôi trên 4 tháng	52.000-55.000	52.000-55.000	52.000-55.000
Gà Minh Dư – miền Bắc – gà nuôi trên 4 tháng	54.000-56.000	54.000-56.000	54.000-56.000
Gà Minh Dư – miền Nam – gà nuôi trên 4 tháng	52.000-57.000	52.000-57.000	52.000-57.000

Bảng 12. Bảng giá gà màu giống DOC miền Bắc (đồng/con)

Vùng/miền	07/07/2021	06/07/2021
DOC- Dabaco, Hòa Phát	8.000-10.000	8.000-10.000
DOC-Minh Dư	11.000-12.000	11.000-12.000
DOC- Lai chọi Lai Vượng	9.000	9.000
DOC- Tiến Đạt	10.000	10.000
DOC- Lai mía	8.000-11.000	8.000-11.000
DOC- Lai Hồ	8.500-12.000	8.500-12.000

Bảng 13. Bảng giá gà màu giống DOC miền Nam (đồng/con)

Vùng/miền	07/07/2021	06/07/2021
DOC- Gà thả vườn Bến Tre	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC-Minh Dư	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC- Gà ta lai	5.000-7.000	5.000-7.000

Vịt thịt

- Tại miền Bắc, giá vịt chững lại quanh mức 44-46.000 đồng/kg do lượng vịt đủ biểu xuất chuồng nhiều hơn.

- Tại miền Nam, mặc dù tiêu thụ nội vùng sụt giảm nhưng do nguồn cung vịt thiếu hụt hỗ trợ giá bán ra ở mức tốt 38-40.000 đồng/kg.

Bảng 14. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	07/07/2021	06/07/2021	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	44.000-46.000	44.000-46.000	45.000-46.000
Miền Nam – Vịt Grimaud	38.000-40.000	38.000-40.000	33.000-40.000

Bảng 15. Bảng giá vịt giống DOC (đồng/con)

Khu vực	Vùng/miền	07/07/2021	06/07/2021
Miền Bắc	DOC- Vịt Super	11.000-12.000	11.000-12.000
	DOC- Vịt Grimaud	11.000-12.000	11.000-12.000
	DOC- Vịt bầu cánh trắng	7.000	7.000
Miền Nam	DOC- Vịt Grimaud	8.000-10.000	8.000-10.000

Giao dịch gà tại các chợ đầu mối lớn

- Tại chợ đầu mối Hà Vỹ, lượng gà công nghiệp non đổ về chợ hôm nay nhỉnh lên hơn 4.000 con, tuy nhiên gà biểu to khan hơn hỗ trợ giá tăng tiếp, lên quanh mức 36.000 đồng/kg cho biểu 3.6 kg/con với giá nhập về chợ (mua xô), theo đó giá bán ra nhích lên quanh 35-39.000 đồng/kg, tùy gà trống hay gà mái. Lượng gà trắng tại chợ tồn ít nhưng tiêu thụ vẫn chưa thực khởi sắc.

- Với giao dịch gà màu, lượng gà về chợ hôm nay giảm nhẹ so với hôm qua, được 8-9.000 con. Tiêu thụ gà màu có phần trôi hàng hơn từ sáng hôm qua đến nay hỗ trợ giá gà bán ra nhích tăng nhẹ lên mức 62-63.000 đồng/kg với gà màu Dabaco.

Bảng 16. Bảng giá gà mua vào và bán ra tại chợ đầu mối Hà Vỹ (đồng/kg)

Loại gà	Giao dịch	07/07/2021	06/07/2021
Gà công nghiệp non Biểu 3.4kg	Mua vào	36.000	35.000
	Bán ra	35.000-39.000	34.000-38.000
Gà màu Dabaco	Mua vào	55.000-57.000	55.000-57.000
	Bán ra	62.000-63.000	60.000-63.000
Gà Japfa	Mua vào	51.000	51.000
	Bán ra	57.000-59.000	57.000-59.000

C. THỊ TRƯỜNG BÒ

Bảng 17. Giá bò hơi và bò tuốt tại thị trường miền Bắc (đồng/kg)

Chủng loại	07/07/2021	06/07/2021
Bò cái già	75.000-78.000	75.000-78.000
Bò cái tơ	82.000-83.000	82.000-83.000
Bò thiến – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	88.000-91.000	88.000-91.000
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	83.000-86.000	83.000-86.000
Bò cừu – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	92.000-94.000	92.000-94.000
Bò nội – bò 3B	95.000-100.000	95.000-100.000
Bò tuốt – khu vực Hải Bối (Đông Anh) – bò Úc	210.000	210.000
Bò tuốt – công ty bán ra – bò Úc	212.000	212.000
Bò tuốt – bò ta	222.000	222.000

Bảng 18. Giá bò hơi và bò tuốt tại thị trường miền Nam (đồng/kg)

Chủng loại	07/07/2021	06/07/2021
Bò thiến – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	87.000	87.000
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	85.000	85.000
Bò cừu – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng, tùy cân nặng	90.000-92.000	90.000-92.000
Bò tuốt Úc – chợ Phạm Văn Hai (TPHCM)	198.000-200.000	198.000-200.000

Bảng giá thị trường Chăn nuôi thế giới ngày 7/7/2021 09:05 07/07

Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị tính	Giá	Biến động giá 1 ngày	Biến động giá 1 năm	Quy đổi VND/kg
Trung Quốc	Giao ngay	CNY/kg	16,10	▼0,03	▼21,20	57.200
	(DCE) Kỳ hạn T9/2021	CNY/kg	18,89	▲0,04	-	67.100
	(DCE) Kỳ hạn T11/2021	CNY/kg	18,26	▲0,07	-	64.800
	(DCE) Kỳ hạn T1/2022	CNY/kg	19,08	▲0,16	-	67.800
	(DCE) Kỳ hạn T3/2022	CNY/kg	18,05	▲0,04	-	64.100
Thái Lan	Giao ngay	Baht/kg	76,17	—0,00	▼0,83	55.600
Mỹ	Giao ngay	Uscent/pound	81,70	▼2,36	▲57,67	41.600

Bảng 2. Bảng giá giao dịch gà, vịt tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị tính	Giá	So với hôm trước	So với cùng kì năm trước	Quy đổi VND/kg, VND/con
Trung Quốc	Gà trắng thịt	CNY/kg	8,1	▲0,04	▲0,26	28.820
	Gà trắng giống	CNY/con	0,96	▲0,08	▲0,71	3.420
	Vịt thịt	CNY/kg	7,76	▼0,04	-	27.610
	Vịt giống	CNY/con	0,51	▼0,11	-	1.810
Thái Lan	Gà sống tại trại	Baht/kg	32,50	—0,00	-	23.680
	Gà nguyên con	Baht/kg	85,00	—0,00	-	61.930
	Gà giống (CP)	Baht/con	17,00	—0,00	-	12.390
Brazil	Thịt gà đông lạnh	USD/kg	1,40	▼0,02	▲0,49	32.340
	Thịt gà làm mát	USD/kg	1,42	▼0,03	▲0,51	32.800

Bảng 3. Bảng giá giao dịch bò hơi tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị tính	Giá	So với hôm trước	So với cùng kì năm trước	Quy đổi VND/kg
Úc	Giao ngay – Bò thiến già	Aucent/kg	388,60	▼3,00	▲12,35	68.500
	Giao ngay – Bò cái trung	Aucent/kg	292,40	▲1,30	▲12,90	51.500

	Giao ngay – Bò thiến trung	Aucent/kg	463,80	▲1,20	▲61,05	81.700
Mỹ	Giao ngay – Bò thiến	Uscent/pound	-	-	-	-
	Giao ngay – Bò cái tơ	Uscent/pound	-	-	-	-
	(CME) Kỳ hạn T8/2021	Uscent/pound	122,40	▲0,40	▲22,30	62.300
	(CME) Kỳ hạn T10/2021	Uscent/pound	128,15	▲0,08	▲28,05	65.300
	(CME) Kỳ hạn T12/2021	Uscent/pound	132,55	▼0,22	▲32,45	67.500
Brazil	Giao ngay	USD/aroba	61,47	▼1,09	▲20,11	94.700
	(BMFG) Kỳ hạn T8/2021	BRL/aroba	320,10	▲2,05	▲105,85	96.600
	(BMFG) Kỳ hạn T9/2021	BRL/aroba	321,70	▲2,05	▲108,75	96.700